

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 78

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61280353/19355528-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.184.583.362 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.4 và 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.416.622.838	6.474.756.155
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	53.262.986	311.458.305
111	1. Tiền		50.262.986	296.458.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	15.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.315.582.027	4.647.938.185
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.008.940.531	1.679.695.030
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	735.872.145	1.733.579.210
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	357.633.041	399.490.706
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	226.179.121	841.151.541
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(13.042.811)	(5.978.302)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.008.560.404	1.495.406.566
141	1. Hàng tồn kho		1.015.931.766	1.680.531.509
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.371.362)	(185.124.943)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		39.217.421	19.953.099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	28.460.482	8.008.788
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.428.256	6.633.439
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	328.683	5.310.872
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.865.557.407	28.520.463.355
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.651.637.754	2.525.035.814
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.005.714.973	1.897.793.366
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	645.922.781	627.242.448
220	II. Tài sản cố định		6.900.466.447	6.848.887.310
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.870.301.911	6.812.407.374
222	Nguyên giá		7.989.910.734	8.015.686.610
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.119.608.823)	(1.203.279.236)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	30.164.536	36.479.936
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.680.724)	(18.365.324)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.347.574.348	13.360.385.870
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.347.574.348	13.360.385.870
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	861.491.710	889.561.285
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		861.491.710	889.561.285
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.104.387.148	4.896.593.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	552.520.160	951.653.416
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	54.262.577	38.764.262
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.497.604.411	3.906.175.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		32.282.180.245	34.995.219.510

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.129.411.861	25.272.150.147
310	I. Nợ ngắn hạn		6.601.206.200	6.322.752.789
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	684.133.747	747.126.722
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	368.099.058	255.486.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	71.013.027	120.154.736
314	4. Phải trả người lao động	20	60.471.407	50.924.302
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	983.750.298	419.873.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	24.010.127	9.101.752
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	2.684.669.944	2.061.755.834
320	8. Vay ngắn hạn	24	1.725.058.592	2.658.329.502
330	II. Nợ dài hạn		15.528.205.661	18.949.397.358
337	1. Phải trả dài hạn khác	23	3.080.107.726	1.407.316.059
338	2. Vay dài hạn	24	12.436.181.455	17.432.565.186
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	11.916.480	109.516.113
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.152.768.384	9.723.069.363
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.152.768.384	9.723.069.363
411	1. Vốn cổ phần	25.1	7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	1.064.550.810	1.064.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	454.592.390	543.342.876
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	911.299.891	383.861.675
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		383.861.675	2.126.574.755
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay		527.438.216	(1.742.713.080)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	50.886.343	59.875.052
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		32.282.180.245	34.995.219.510



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

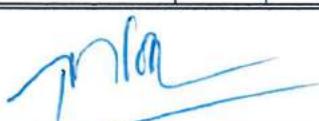
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.321.021.229	4.785.399.649
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	(1.249.713)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.321.021.229	4.784.149.936
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(2.106.498.608)	(4.624.177.419)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.214.522.621	159.972.517
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.014.721.130	230.097.487
22	7. Chi phí tài chính	30	(854.439.086)	(840.423.931)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(813.216.302)	(750.166.442)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	15	(28.069.575)	15.581.670
25	9. Chi phí bán hàng	31	(93.271.543)	(88.821.909)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(585.188.578)	(315.875.117)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		668.274.969	(839.469.283)
31	12. Thu nhập khác	32	245.097.700	146.947.925
32	13. Chi phí khác	32	(472.117.888)	(954.522.953)
40	14. Lỗ khác	32	(227.020.188)	(807.575.028)
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		441.254.781	(1.647.044.311)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(23.890.080)	(2.769.781)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	113.097.948	(128.038.244)
60	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		530.462.649	(1.777.852.336)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		527.438.216	(1.742.713.080)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	3.024.433	(35.139.256)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	688	(2.297)
71	22. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	581	(2.297)



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Mỹ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		441.254.781	(1.647.044.311)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	970.643.111	727.028.741
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(170.689.072)	183.550.649
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.328	52.683.376
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.137.148.598)	(346.012.602)
06	Chi phí lãi vay	30	813.216.302	750.166.442
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		917.307.852	(279.627.705)
09	Giảm các khoản phải thu		1.288.679.730	880.114.164
10	Giảm hàng tồn kho		438.256.606	962.148.873
11	Giảm các khoản phải trả		(327.440.018)	(1.084.229.374)
12	Tăng chi phí trả trước		(811.767.701)	(127.007.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(268.076.880)	(353.482.489)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(1.000.064)	(239.528)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.235.959.525	(2.323.456)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.009.565.068)	(2.185.529.954)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		463.410.814	547.530.515
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(914.350.263)	(715.111.278)
24	Tiền thu hồi cho vay		988.740.053	389.552.552
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(4.619.176.184)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.450.356.816	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		54.094.406	93.016.993
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.032.686.758	(6.489.717.356)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	25.1	-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		2.465.240.508	10.323.177.911
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(4.992.082.110)	(5.503.639.814)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.526.841.602)	6.471.538.097
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(258.195.319)	(20.502.715)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		311.458.305	331.961.020
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	53.262.986	311.458.305



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(13) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.129 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.249).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.184.583.362 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.4 và 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thể chấp có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cây thanh long

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cây cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long và tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long và tiêu theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Tỷ lệ khấu hao (%)	
				Vườn cây tiêu
Năm thứ 1	2,50	1,00		4,60
Năm thứ 2	2,80	3,40		8,50
Năm thứ 3	3,50	5,00		8,50
Năm thứ 4	4,40	6,70		8,50
Năm thứ 5	4,80	8,40		8,50
Năm thứ 6	5,40	8,40		8,50
Năm thứ 7	5,40	8,40		6,20
Năm thứ 8	5,10	8,40		6,20
Năm thứ 9	5,10	8,40		6,20
Năm thứ 10	5,00	8,40		3,80
Năm thứ 11	7,00	6,70		3,80
Năm thứ 12	6,60	6,70		3,80
Năm thứ 13	6,20	6,70		3,80
Năm thứ 14	5,90	6,70		3,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại		3,80
Năm thứ 16	5,40			3,80
Năm thứ 17	5,00			3,80
Năm thứ 18	5,50			Giá trị còn lại
Năm thứ 19	5,20			
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đèn bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chi phí phát triển vườn cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm; và

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 99,99% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) với tổng giá bán là 1.330.000.000 ngàn VND cho các đối tác. Theo đó, số tiền lãi là 608.961.607 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 28.2*).

Nhóm Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của nghiệp vụ này như được trình bày tại Thuyết minh số 39.

Chuyển nhượng toàn bộ Cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 99,92% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê với tổng giá bán là 130.000.000 ngàn VND cho một cá nhân, bên liên quan (*Thuyết minh số 34*). Theo đó, số tiền lãi là 107.418.184 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 28.2*).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Tiền gửi ngân hàng	46.452.899	289.622.311
Tiền mặt	3.810.087	6.835.994
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG	53.262.986	311.458.305

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4,3% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.138.718.726	861.834.420
- Công ty TNHH Nuth Ton	64.738.746	-
- Trịnh Thị Thảo	60.076.852	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	34.400.372	8.512.668
- Phải thu từ các khách hàng khác	979.502.756	853.321.752
Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	737.569.190	727.713.177
Phải thu về chuyển nhượng dự án	132.652.615	90.147.433
TỔNG CỘNG	2.008.940.531	1.679.695.030
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	1.373.049.166	1.100.403.717
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	635.891.365	579.291.313
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.042.811)	(5.978.302)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.995.897.720	1.673.716.728

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	698.980.458	1.537.124.896
- Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Nông sản Cát Tường	20.218.907	16.251.870
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Phát Pleiku	16.423.630	6.965.814
- Các khoản trả trước khác	662.337.921	1.513.907.212
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	33.608.709	193.133.363
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	3.282.978	3.320.951
TỔNG CỘNG	735.872.145	1.733.579.210
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	632.732.553	1.613.397.390
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	103.139.592	120.181.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	357.633.041	399.490.706
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	280.606.633	346.140.125
Cho vay các bên thứ ba	77.026.408	53.350.581
Dài hạn	2.005.714.973	1.897.793.366
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	1.836.056.482	1.815.702.624
Cho vay các bên thứ ba	169.658.491	82.090.742
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (ii)	141.465.392	82.090.742
- Khác	28.193.099	-
TỔNG CỘNG	2.363.348.014	2.297.284.072

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2022 và có lãi suất từ 8%/năm đến 15%/năm.

(ii) Đây là khoản cho vay tín chấp và có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	226.179.121	841.151.541
Cho mượn các công ty	17.589.684	663.774.612
Tạm ứng cho nhân viên	72.631.171	42.086.601
Lãi cho vay các công ty	61.470.348	119.212.551
Khác	74.487.918	16.077.777
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	127.811.783	507.112.005
<i>Phải thu từ các bên thứ ba</i>	98.367.338	334.039.536
Dài hạn	645.922.781	627.242.448
Lãi cho vay các công ty	266.086.939	81.356.191
Cho mượn các công ty	248.004.788	397.983.108
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	125.750.981	132.347.166
Ký quỹ	6.080.073	14.973.481
Khác	-	582.502
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	639.842.708	588.990.280
<i>Phải thu từ các bên thứ ba</i>	6.080.073	38.252.168
TỔNG CỘNG	872.101.902	1.468.393.989

(*) Khoản này bao gồm:

Khoản 101.100.000 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("CSTN") – công ty con trong Tập đoàn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa CSTN và Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, Công ty liên kết, để đầu tư vào dự án Chăn nuôi và Phát triển đàn bò sinh sản, bò thịt với tổng giá trị dự án là 1.499.451.326 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Khoản 24.650.981 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên ("BSTN") liên quan tới mảng dự án trồng chanh dây, thanh long và măng trồng cỏ, chăn nuôi bò tại Gia Lai, theo hợp đồng số 01/HTKD/BSTN-CNGL ngày 11 tháng 11 năm 2016 và các phụ lục thay đổi.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	828.112.025	1.243.993.130
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	586.619.642	571.123.747
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	127.025.619	437.115.594
<i>Hoạt động sản xuất</i>	114.466.764	235.753.789
Nguyên vật liệu	119.053.882	201.992.811
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (iii)	30.259.823	85.207.487
Thành phẩm	12.120.220	130.646.482
Công cụ, dụng cụ	6.380.301	9.379.152
Hàng hóa	20.005.515	9.312.447
TỔNG CỘNG	1.015.931.766	1.680.531.509
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.371.362)	(185.124.943)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.008.560.404	1.495.406.566

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại tỉnh Hua Phan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 25.584.644 USD (31.12.2016: 25.584.644 USD). Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Nhóm Công ty, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2019.
- (ii) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).
- (iii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm							
(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	1.940.690.850	1.944.154.454	1.708.746.497	1.310.465	2.392.058.181	28.726.163	8.015.686.610
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	117.590.648	12.074.696	250.388.417	-	2.041.102.932	665.191	2.421.821.884
Mua trong năm	35.100.945	64.178.653	42.202.420	33.110	138.718.100	200.000	280.433.228
Giảm từ thanh lý công ty con	(835.493.560)	(1.158.899.588)	(194.728.489)	(205.802)	-	(5.581.418)	(2.194.908.857)
Thanh lý trong năm	(45.410.081)	(817.600)	(4.872.134)	(126.082)	(458.516.504)	-	(509.742.401)
Phân loại lại	132.557.296	(448.445.181)	320.018.299	570.296	-	(4.700.710)	-
Chênh lệch tỷ giá	(1.412.955)	(32.098.166)	5.618.348	(455)	8.085.038	(3.571.540)	(23.379.730)
Số cuối năm	<u>1.343.623.143</u>	<u>380.147.268</u>	<u>2.127.373.358</u>	<u>1.581.532</u>	<u>4.121.447.747</u>	<u>15.737.686</u>	<u>7.989.910.734</u>
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	10.689.986	27.413.558	23.470.389	750.642	-	1.463.943	63.788.518
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm							
(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	297.022.470	408.840.618	263.749.361	1.083.995	226.993.994	5.588.798	1.203.279.236
Khấu hao trong năm	126.651.293	79.763.969	163.179.299	131.602	183.914.075	2.116.486	555.756.724
Giảm từ thanh lý công ty con	(142.383.071)	(304.808.157)	(55.689.831)	(178.284)	-	(1.433.654)	(504.492.997)
Thanh lý trong năm	(11.085.040)	(36.425)	(1.338.611)	(11.950)	(119.426.052)	-	(131.898.078)
Phân loại lại	3.538.913	(7.335.831)	2.092.764	293.787	-	1.410.367	-
Chênh lệch tỷ giá	7.505.382	(3.784.893)	(5.223.179)	(976)	2.015.121	(3.547.517)	(3.036.062)
Số cuối năm	<u>281.249.947</u>	<u>172.639.281</u>	<u>366.769.803</u>	<u>1.318.174</u>	<u>293.497.138</u>	<u>4.134.480</u>	<u>1.119.608.823</u>
Giá trị còn lại							
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	<u>1.643.668.380</u>	<u>1.535.313.836</u>	<u>1.444.997.136</u>	<u>226.470</u>	<u>2.165.064.187</u>	<u>23.137.365</u>	<u>6.812.407.374</u>
Số cuối năm	<u>1.062.373.196</u>	<u>207.507.987</u>	<u>1.760.603.555</u>	<u>263.358</u>	<u>3.827.950.609</u>	<u>11.603.206</u>	<u>6.870.301.911</u>
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 24)	1.010.184.096	206.802.547	1.760.603.555	263.358	3.827.950.609	9.532.317	6.815.336.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã sử dụng Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Nhóm Công ty, để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm	<u>52.189.100</u>	<u>705.440</u>	<u>2.070.889</u>	<u>54.965.429</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>6.648.075</u>	<u>48.197.185</u>	<u>54.845.260</u>
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	581.707	17.783.617	18.365.324
Hao mòn trong năm	<u>332.403</u>	<u>5.982.997</u>	<u>6.315.400</u>
Số cuối năm	<u>914.110</u>	<u>23.766.614</u>	<u>24.680.724</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>6.066.368</u>	<u>30.413.568</u>	<u>36.479.936</u>
Số cuối năm	<u>5.733.965</u>	<u>24.430.571</u>	<u>30.164.536</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	10.769.372.185	11.830.017.268
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.680.929.811	621.401.558
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	417.589.499	379.158.960
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	265.425.840	318.657.348
Chi phí vườn tiêu	114.959.517	118.707.592
Chi phí dự án bò (*)	6.617.792	6.637.816
Các công trình khác	<u>92.679.704</u>	<u>85.805.328</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.347.574.348</u>	<u>13.360.385.870</u>

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 696.738.105 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 775.004.446 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 39)</i>
Đầu tư vào các công ty liên kết	<u>861.491.710</u>	<u>889.561.285</u>

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
		<i>%</i>	<i>Ngàn VND</i>	<i>%</i>	<i>Ngàn VND</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	564.341.889	23,46	602.417.978
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	297.149.821	49,14	287.143.307
TỔNG CỘNG			<u>861.491.710</u>		<u>889.561.285</u>

(*) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“CNGL”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(**) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Giá trị</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và cuối năm	<u>881.804.636</u>
Phần lợi nhuận (lỗ) lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm (<i>Trình bày lại - Thuyết minh số 39</i>)	7.756.649
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(3.184.362)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	<u>(24.885.213)</u>
Số cuối năm	<u>(20.312.926)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (<i>Trình bày lại - Thuyết minh số 39</i>)	<u>889.561.285</u>
Số cuối năm	<u>861.491.710</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>
Ngắn hạn	28.460.482	8.008.788
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	24.650.486	-
Công cụ, dụng cụ	2.678.440	6.712.301
Chi phí khác	1.131.556	1.296.487
Dài hạn	552.520.160	951.653.416
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	338.295.134	180.391.266
Chi phí khai hoang	119.745.845	109.720.596
Tiền thuê đất	67.902.411	64.100.399
Công cụ, dụng cụ	11.690.885	17.872.686
Chi phí thuê văn phòng	5.303.877	5.510.308
Chi phí phát triển vườn mía	-	568.937.694
Chi phí khác	<u>9.582.008</u>	<u>5.120.467</u>
TỔNG CỘNG	<u>580.980.642</u>	<u>959.662.204</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>4.085.709.858</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(179.534.460)
Phân bổ trong năm (Thuyết minh số 31)	<u>(408.570.987)</u>
Số cuối năm	<u>(588.105.447)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>3.906.175.398</u>
Số cuối năm	<u>3.497.604.411</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	677.867.839	712.903.477
- Ông Pramoul Kaokitwilai	28.086.149	27.039.907
- Công ty TNHH Hoàng Tâm	7.791.939	2.983.674
- Khác	641.989.751	682.879.896
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	45.530	12.654.466
Phải trả nhà thầu xây dựng	4.873.670	4.368.714
Phải trả khác	1.346.708	17.200.065
TỔNG CỘNG	<u>684.133.747</u>	<u>747.126.722</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	449.392.654	377.425.999
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	234.741.093	369.700.723

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Bên thứ ba trả tiền trước	222.218.380	209.076.470
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	103.163.300	103.163.300
- Công ty Cổ phần Truyền thông Cánh Đồng Vàng	76.610.536	-
- Ông Lim Yau Hewy	23.370.000	22.796.000
- Các công ty khác	19.074.544	83.117.170
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34)	145.880.678	46.409.824
TỔNG CỘNG	<u>368.099.058</u>	<u>255.486.294</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	5.276.104	-	(4.990.273)	285.831
Thuế khác	34.768	8.084	-	42.852
TỔNG CỘNG	5.310.872	8.084	(4.990.273)	328.683
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	15.531.200	23.992.459	(1.000.064)	38.523.595
Thuế giá trị gia tăng	97.875.840	27.668.481	(104.450.639)	21.093.682
Thuế thu nhập cá nhân	3.404.963	3.320.890	(1.638.286)	5.087.567
Thuế khác	3.342.733	5.060.845	(2.095.395)	6.308.183
TỔNG CỘNG	120.154.736	60.042.675	(109.184.384)	71.013.027

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí hoạt động	705.108.055	278.039.955
Chi phí lãi vay	256.642.243	118.205.543
Chi phí khác	22.000.000	23.628.149
TỔNG CỘNG	983.750.298	419.873.647

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện lợi nhuận chưa thực hiện của các nghiệp vụ bán hàng giữa Nhóm Công ty và các Công ty liên kết được loại trừ trên hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	2.684.669.944	2.061.755.834
Nhận vốn góp từ các cổ đông (*)	1.197.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	500.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Quang	232.335.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	232.330.000	-
- Bà Vũ Thị Thúy Hương	232.335.000	-
Phải trả lãi vay	653.334.830	762.023.950
Phải trả tiền mượn các công ty	465.529.914	1.127.484.715
Phải trả tiền thuê đất	51.528.927	83.353.623
Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	150.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	167.276.273	88.893.546
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>1.397.515.078</i>	<i>1.453.246.700</i>
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>1.287.154.866</i>	<i>608.509.134</i>
Dài hạn	3.080.107.726	1.407.316.059
Phải trả về hợp tác kinh doanh (***)	1.064.788.888	1.043.211.100
Phải trả lãi vay	1.225.680.542	206.170.426
Phải trả tiền thuê đất	135.665.953	148.216.941
Phải trả tiền mượn	653.972.343	9.717.592
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.595.522.604</i>	<i>1.179.448.777</i>
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>484.585.122</i>	<i>227.867.282</i>
TỔNG CỘNG	5.764.777.670	3.469.071.893

(*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1909/17/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 19 tháng 9 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần với giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, việc chào bán vẫn chưa được hoàn thành (Thuyết minh số 40).

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("NNTN") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai với tổng giá trị đầu tư dự kiến vào dự án là 150 tỷ VND và thời hạn 1 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 2010/2017/HTKD/BSTN – DVNN ngày 20 tháng 10 năm 2017. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, NNTN đã góp số tiền là 150 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

(***) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND với thời hạn 5 năm theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700.000.000 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, An Tiến đã góp số tiền là 550.000.000 ngàn VND.

Ngoài ra, phải trả về hợp tác kinh doanh còn bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần An Đông Mía (công ty con trong Nhóm Công ty) và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (công ty mẹ) ("HAG") để đầu tư vào dự án 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, HAG đã góp số tiền là 514.788.888 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	2.658.329.502	2.866.099.427	(3.799.370.337)	1.725.058.592
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	187.922.531	85.303.301	(174.184.102)	99.041.730
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	1.071.367.450	1.404.846.431	(1.794.685.819)	681.528.062
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 24.6)	333.097.953	776.500.000	(333.097.953)	776.500.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	297.091.268	87.358.395	(297.732.463)	86.717.200
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	761.027.300	-	(699.670.000)	61.357.300
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 24.3)	7.823.000	512.091.300	(500.000.000)	19.914.300
Vay dài hạn	17.432.565.186	1.053.397.460	(6.049.781.191)	12.436.181.455
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.6)	9.651.141.757	479.399.748	(5.105.943.947)	5.024.597.558
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.4)	5.964.217.510	263.067.954	(851.120.044)	5.376.165.420
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	1.817.205.919	305.929.758	(92.717.200)	2.030.418.477
Vay dài hạn cá nhân (Thuyết minh số 24.7)	-	5.000.000	-	5.000.000
TỔNG CỘNG	20.090.894.688	3.919.496.887	(9.849.151.528)	14.161.240.047

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	321.597.754	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	124.692.721	504.124.600
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	119.898.087	349.778.076
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	80.737.650	24.157.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	34.601.850	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	-	193.307.774
TỔNG CỘNG	681.528.062	1.071.367.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Nguyên tệ</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
	<i>Ngàn VND</i>	<i>USD</i>		<i>%/năm</i>	
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HDTD kí ngày 19 tháng 6 năm 2015	124.692.721	-	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018	USD 7,70 - 7,90 VND 9,30 - 11,60	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạch Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
<i>BIDC</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/115529/ADM-BIDC ngày 6 tháng 10 năm 2017	34.601.850	1.500.000	Từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 27 tháng 10 năm 2018	9,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và các dự án đầu tư tại thửa đất Civ 0030-0182; Civ0031-0183; Civ0032-0184, Civ 0036-0188, Civ 0037- 0189; Civ 0038-0190; Civ 0039- 0191; Civ 0040- 0192 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	159.294.571				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>TP bank, Thành phố Hồ Chí Minh</i>					
Hợp đồng vay số 457/2017/HDTD/DLK/01 kí ngày 12 tháng 12 năm 2017	22.000.000	-	Vào ngày 12 tháng 9 năm 2018	10,50	2.000 con bò thịt thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên, theo HĐKT số 1611/2017/CNGL-BSTN ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng số 2311/2017/PLHĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017
<i>TP bank, Chi nhánh Hà Nội</i>					
Hợp đồng vay số 2104/HĐTD/ TPBANK ngày 21 tháng 4 năm 2017	299.597.754	-	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 9 năm 2018	10,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thừa đất số 01 với tổng diện tích 180,4 ha tại Xã Kon Thụp, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Quyền sử dụng đất 925 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	<u>321.597.754</u>				
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	<u>119.898.087</u>	5.282.501	Ngày 7 tháng 9 năm 2018	8,00-10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1716600008 ngày 15 tháng 6 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 15 tháng 6 năm 2018	9,00	Quyền sử dụng đất tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200001 ngày 21 tháng 6 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2018	9,00	Đất tô nhượng và vườn cao su có địa chỉ tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia có giấy chứng nhận số Kr.0193 ký ngày 16 tháng 8 năm 2016, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200004 ngày 11 tháng 4 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 11 tháng 4 năm 2018	9,00	
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200002 ngày 20 tháng 6 năm 2017	11.533.950	500.000	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	9,00	
TỔNG CỘNG	80.737.650				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>Bà Trần Thị Hữu Duyên</i>			
Khoản vay số 1	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2018	7,00
Khoản vay số 2 (*)	8.948.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2018	10,00
<i>Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành</i>			
Khoản vay số 3 (*)	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	9,00
<i>Ông Vũ Duy Khương</i>			
Khoản vay số 4	9.200.000	Ngày 24 tháng 8 năm 2018	10,00
<i>Ông Chế Đức Toàn</i>			
Khoản vay số 5 (*)	<u>628.300</u>	Ngày 3 tháng 3 năm 2018	10,00
TỔNG CỘNG	<u>61.357.300</u>		

Các khoản vay công ty và cá nhân là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Khoản vay số 1	12.091.300	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	4,20
<i>Ông Dương Hoàng Bắc (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 0511/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 11 tháng 5 năm 2016	1.115.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0606/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 6 tháng 6 năm 2016	1.119.500	Ngày 7 tháng 6 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0608/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 8 tháng 6 năm 2016	2.238.000	Ngày 9 tháng 6 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0722/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 22 tháng 7 năm 2016	1.116.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0812/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 12 tháng 8 năm 2016	1.115.500	Ngày 12 tháng 8 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 1104/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 4 tháng 11 năm 2016	1.119.000	Ngày 4 tháng 11 năm 2018	10,00
TỔNG CỘNG	19.914.300		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.295.153.685	3.093.845.164
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	1.101.803.662	1.042.206.160
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos – Viet Bank")	1.049.688.598	1.022.006.112
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.028.561.205	994.082.605
TỔNG CỘNG	5.475.207.150	6.152.140.041
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	5.376.165.420	5.964.217.510
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	99.041.730	187.922.531

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu, cây ăn trái; mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV - Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013 (*)	620.317.736	27.455.396	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2017: 7,50)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 85 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã La Bằng, Huyện Dak Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch dân cư sinh thái Hồ Đồng Đa với tổng diện tích 2.332 m ² , Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai với diện tích 6.993,2 m ² ; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu;

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Nguyên tệ</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
	<i>Ngàn VND</i>	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>	
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 (*)	217.959.830	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 12,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên
Hợp đồng hạn mức số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	71.776.522	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 9,90 - 12,3)	Toàn bộ các hạng mục hình thành trong tương lai thuộc dự án chăn nuôi bò sữa tại Xã Iapech, IaGrai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.271	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay. điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2017: 9,90)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	595.006.682	313.978.211	12.361.050	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	USD 7,70 - 7,82; VND 9,30 -11,60	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bà Thạch Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐTD ngày 1 tháng 4 năm 2010 (*)	724.124.644	-	31.850.655	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2017: 7,05 - 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	2.295.153.685					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn</i>	<i>2.286.014.618</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>9.139.067</i>					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại điều 10.6 của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<i>HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai</i>						
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTDTDH-ĐN ngày 25 tháng 4 năm 2014 (*)	878.127.640	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2017: USD 7,00 - 7,50 và VND 10,00 - 11,00)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat; 13.9 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; Vốn góp 6 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; Vốn góp 100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai tại Công ty Cổ phần An Đông Mía
<i>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</i>						
Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTDTDH - DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	58.568.022	58.568.022	-	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 10,50 - 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 8.940,5 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng vay số 0588/16/HĐLĐTDH - DN/170/DNGN-KUNN/DN/01 ngày 30 tháng 9 năm 2016 (*)	99.800.000	99.800.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
Hợp đồng vay số 9451/17/HĐLĐTDH-PN/170 ngày 1 tháng 7 năm 2017 (**)	55.308.000	55.308.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13,00	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; toàn bộ đàn bò (tối thiểu 4.000 con) và quyền đòi nợ phát sinh từ việc bán bò thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
Hợp đồng vay số 21087/17MN/HĐLĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017	10.000.000	10.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án (bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án); 15 xe đầu kéo, 15 somi romooc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
TỔNG CỘNG	1.101.803.662				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.077.890.535</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>23.913.127</i>				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng này.

(**) Số lượng đàn bò của Nhóm Công ty không thỏa mãn yêu cầu về số lượng bò (4.000 đầu bò) tại thời điểm giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<i>Laos- Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 098/HĐLVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	318.153.427	-	14.005.246	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, Công ty con tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 010/2013/LVB - ATTAPEU ngày 15 tháng 3 năm 2013 (*)	281.180.615	39.355.143	7.649.850	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023	USD: điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 9,50 - 11,00) LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00% điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 12,75 - 13,75)	
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HĐ-LVB.ATP/2015 - ngày 26 tháng 11 năm 2015	115.278.714	-	4.986.500	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại điều 8.03 Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ - LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015 (*)	227.596.374	- 10.027.500		Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,50 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	107.479.468	- 4.728.096		Từ ngày 25 tháng 2 năm 2018 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 9,50 – 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	1.049.688.598					
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn	983.699.062					
Vay dài hạn đến hạn trả	65.989.536					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đàn bò 24.460.000 USD theo yêu cầu của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1636300050 ngày 28 tháng 12 năm 2016 (*)	300.000.000	300.000.000	-	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	10,00	15.000.000 cổ phiếu HNG do HAG sở hữu; Quyền sử dụng 687,9ha của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk tại Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk; 18.570.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Nguồn thu từ dự án cao su; 4.999.000 Cổ phần thuộc sở hữu của HNG tại Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	262.454.605	-	Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	9,50	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi ông Đoàn Nguyên Đức; 14,5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Quang Minh sở hữu bởi HNG;

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013 (*)	250.000.000	250.000.000	- Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 26 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2017: 10,00 - 11,85)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1623900077 ngày 11 tháng 10 năm 2016 (**)	85.000.000	85.000.000	- Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,50 %/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,50 %/năm (2017: 9,50%)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Xã La Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng số LD1719100049 ngày 18 tháng 7 năm 2017	16.100.000	16.100.000	- Từ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày 21 tháng 7 năm 2022	9,50% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo sẽ được thông báo bởi ngân hàng	Toàn bộ vườn cây cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với diện tích 13.281.000 m2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>						
Hợp đồng tín dụng số LD1616800002 ngày 16 tháng 6 năm 2016	92.271.600	-	4.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án bia đồ 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri - Số lô đất: 1,0012, 10015 10016, 10017; Số bia đồ: 0188, 0189, 0190, 0191; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia - Số lô đất: 1,0007, 1,008, 1,0009 - Số bia đồ: 0192, 0193, 0194 - thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Hợp đồng tín dụng số LD1720100002 ngày 20 tháng 7 năm 2017	22.735.000	-	1.000.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến 24 tháng 7 năm 2022	9,00	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha; Số lô đất Civ 0034, lô số 0186 địa chỉ tại Thôn Sre Thmay Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	1.028.561.205					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn</i>	1.028.561.205					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Chi tiết các trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50%/năm (2017: 10,80 - 11,60%)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	431.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00% (2017: 10,50 - 11,50)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	195.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nông Nghiệp Daun Pênh và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức

Chi phí phát hành trái phiếu (7.864.323)

TỔNG CỘNG 2.117.135.677

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn 2.030.418.477

Trái phiếu dài hạn đến hạn 86.717.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu (tiếp theo)

(*) Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VPB, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 3 năm 2017, NCB, trái chủ của khoản trái phiếu 300 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 2 năm 2019.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết, và diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	1.957.824.736	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 09.2016/HĐVHAGL-HATTAPU ngày 1 tháng 9 năm 2016	1.351.897.818	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	8,00
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	289.612.200	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	4,20
Hợp đồng hợp tác kinh doanh - 36 tháng - HAGL ngày 28 tháng 8 năm 2015	478.500.000	Ngày 28 tháng 8 năm 2018	10,77
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	Ngày 3 tháng 4 năm 2019	10,00
Hợp đồng vay số 08-2017/CV-HAATP ngày 10 tháng 8 năm 2017	35.010.968	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,30 - 9,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
<i>HAG, Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2014	300.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2020	9,75
Hợp đồng vay số 0507/HTKD/HAGL-CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	9,75
Hợp đồng vay số 07/2013/HĐV-HAGL ngày 8 tháng 7 năm 2013	58.001.920	Ngày 30 tháng 12 năm 2027	9,75
Hợp đồng vay số 07-2017/CV-BSTN ngày 12 tháng 7 năm 2017	31.376.192	Ngày 12 tháng 7 năm 2022	12,00
Hợp đồng vay số 08-2017/CV-HADL ngày 15 tháng 8 năm 2017	30.560.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	12,00
Hợp đồng vay số 12/HĐVHAGL-ADM ngày 30 tháng 12 năm 2016	34.007.539	Ngày 30 tháng 12 năm 2023	10,00
Hợp đồng vay số 11-2017/CV-HAATP ngày 24 tháng 11 năm 2017	6.155.689	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	12,50
Hợp đồng vay số 12-2017/CV-HAATP ngày 25 tháng 12 năm 2017	3.982.496	Ngày 24 tháng 2 năm 2019	10,50
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 28/09/16-HĐV ngày 28 tháng 9 năm 2016	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6,00
<i>Công ty Cổ Phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 02/17/TĐHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	126.168.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2020	5,00
TỔNG CỘNG	<u>5.801.097.558</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.024.597.558</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>776.500.000</i>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

24.7 Các khoản vay dài hạn cá nhân

Chi tiết của các khoản vay dài hạn từ cá nhân như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
<i>Huỳnh Trần Thanh Phương</i>			
Hợp đồng vay số 01/2017HĐV/CSTN-HTTP ngày 28 tháng 06 năm 2017	<u>5.000.000</u>	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)					
Số đầu năm	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.742.713.080)	(1.742.713.080)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	-	1.652.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	100.194.522	-	100.194.522
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>543.342.876</u>	<u>383.861.675</u>	<u>9.663.194.311</u>
Năm nay					
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	543.342.876	383.861.675	9.663.194.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	527.438.216	527.438.216
Thanh lý công ty	-	-	(36.974.621)	-	(36.974.621)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(51.775.865)	-	(51.775.865)
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>454.592.390</u>	<u>911.299.891</u>	<u>10.101.882.041</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>767.143.895</i>	<i>767.143.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>767.143.895</i>	<i>767.143.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 39)</i>
Số đầu năm <i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>	59.875.052	95.307.748
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	3.024.433	(35.139.256)
Mua công ty con	-	531.560
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(825.000)
Thanh lý công ty con	<u>(12.013.142)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>50.886.343</u>	<u>59.875.052</u>

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 39)</i>
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ <i>(ngàn VND)</i>	527.438.216	(1.742.713.080)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>(cổ phiếu)</i>	767.143.895	758.738.416
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu <i>(i)</i>	<u>140.718.703</u>	<u>140.718.703</u>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	907.862.598	899.457.119
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu <i>(VND)</i>	688	(2.297)
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu <i>(VND)</i>	581	(2.297)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, các chứng quyền này có tác động suy giảm ngược.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Doanh thu gộp	3.321.021.229	4.785.399.649
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.617.509.655	-
Doanh thu bán bò	757.655.995	3.469.931.141
Doanh thu bán mủ cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu bán hàng hóa	244.417.863	513.254.738
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	471.259.273
Doanh thu bán căn hộ	53.403.446	31.269.126
Doanh thu bán ớt	24.931.966	-
Doanh thu bán tiêu	32.720.964	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	55.258.521	50.856.559
Doanh thu bán bắp	-	134.803.013
Các khoản giảm trừ - giảm giá hàng bán	-	(1.249.713)
Doanh thu thuần	3.321.021.229	4.784.149.936
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.617.509.655	-
Doanh thu bán bò	757.655.995	3.469.931.141
Doanh thu bán mủ cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu bán hàng hóa	244.417.863	512.005.025
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	471.259.273
Doanh thu bán căn hộ	53.403.446	31.269.126
Doanh thu bán ớt	24.931.966	-
Doanh thu bán tiêu	32.720.964	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	55.258.521	50.856.559
Doanh thu bán bắp	-	134.803.013
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	319.587.489	510.720.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	716.379.791	-
Lãi tiền cho vay	292.343.366	182.762.010
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.585.695	40.748.252
Lãi tiền gửi ngân hàng	353.768	5.931.791
Khác	2.058.510	655.434
TỔNG CỘNG	1.014.721.130	230.097.487
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>285.962.314</i>	<i>131.542.327</i>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Giá vốn trái cây đã bán	748.210.484	-
Giá vốn bò	691.466.666	3.048.276.086
Giá vốn mủ cao su đã bán	341.100.975	131.997.480
Giá vốn hàng hóa	108.164.576	486.135.628
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	120.937.447	688.756.526
Giá vốn căn hộ đã bán	55.918.445	31.509.854
Giá vốn ớt đã bán	7.673.011	-
Giá vốn tiêu đã bán	16.793.630	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.233.374	46.238.998
Giá vốn bắp	-	65.695.455
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	125.567.392
TỔNG CỘNG	2.106.498.608	4.624.177.419

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí lãi vay	813.216.302	750.166.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.358.041	82.394.265
Khác	24.864.743	7.863.224
TỔNG CỘNG	854.439.086	840.423.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 39)</i>
Chi phí bán hàng	93.271.543	88.821.909
Chi phí vận chuyển	59.002.160	59.088.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.612.095	17.024.928
Chi phí nhân viên	9.510.999	5.448.382
Chi phí khấu hao	1.956.253	1.674.658
Khác	4.190.036	5.585.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	585.188.578	315.875.117
Phân bổ lợi thế thương mại	408.570.987	174.719.236
Chi phí nhân viên	63.523.379	66.128.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.521.250	12.269.808
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.854.390	19.810.644
Chi phí lập dự phòng	7.862.806	-
Khác	68.855.766	42.947.021
TỔNG CỘNG	678.460.121	404.697.026

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 39)</i>
Thu nhập khác	245.097.700	146.947.925
Thu nhập từ thanh lý tài sản	128.071.673	141.737.131
Nợ thuế được miễn	97.015.393	-
Khác	20.010.634	5.210.794
Chi phí khác	(472.117.888)	(954.522.953)
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(281.526.530)	(216.186.694)
Chi phí phát triển vườn cây	(95.009.476)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(17.839.722)	(7.655.041)
Các khoản phạt	(10.616.826)	(3.168.992)
Lỗi từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	-	(712.667.916)
Khác	(67.125.334)	(14.844.310)
LỖ KHÁC	(227.020.188)	(807.575.028)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo).
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.890.080	2.769.781
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(113.097.948)</u>	<u>128.038.244</u>
TỔNG CỘNG	<u>(89.207.868)</u>	<u>130.808.025</u>

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	<u>441.254.781</u>	<u>(1.647.044.311)</u>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	416.740.574	2.136.580.888
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	408.570.987	174.719.236
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	204.955.853	92.037.655
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(146.013.144)	(183.100.697)
Chi phí phải trả	49.702.240	37.978.090
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(59.582.399)	(554.180.569)
Lỗ (lãi) từ công ty liên kết	24.885.213	(22.408.392)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(73.893.319)	32.712.010
Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.621.411	9.324.241
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(716.379.791)	-
Cần trừ lỗ năm trước	(559.282.330)	-
Các khoản khác	<u>98.251.787</u>	<u>42.741.588</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>105.831.863</u>	<u>119.359.739</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	22.297.875	4.063.514
Điều chỉnh thuế TNDN thiếu (trích thừa) của năm trước	<u>1.592.205</u>	<u>(1.293.733)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	<u>23.890.080</u>	<u>2.769.781</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	10.255.096	(3.046.244)
Các khoản tăng khác	3.866.911	10.771.087
Thuế TNDN được hoàn trong năm	1.225.741	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(1.000.064)</u>	<u>(239.528)</u>
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>38.237.764</u>	<u>10.255.096</u>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	38.523.595	15.531.200
Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 20)	<u>(285.831)</u>	<u>(5.276.104)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>		<i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 39)</i>
				<i>Ngàn VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	54.262.577	38.764.262	15.498.315	6.205.911
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(24.728.042)
	54.262.577	38.764.262	15.498.315	(18.522.131)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư	(11.916.480)	(109.516.113)	97.599.633	(109.516.113)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			113.097.948	(128.038.244)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	535.817.953	614.885.108
		Cho mượn tiền	471.750.857	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	400.635.181	209.151.193
		Vay và mượn	93.800.000	5.734.871.154
		Bán tài sản	11.467.723	-
		Lãi từ cho vay	11.386.457	-
		Mua tài sản	6.210.897	7.307.567
		Cung cấp dịch vụ	3.461.658	4.545.153
		Bán hàng hóa	3.099.740	5.905.223
		Bán trái cây	15.555	-
	Mua các khoản đầu tư	-	12.828.645	
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận vốn góp	500.000.000	-
		Vay	12.091.300	-
		Lãi vay	10.170.174	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	171.605.996	56.764.111
		Vay và mượn	-	587.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn tiền và vật tư	328.530.951	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	161.930.104	34.977.483
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.011.925	47.019.228
		Chuyển nhượng dự án	-	173.143.070
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	288.494.927	259.815.547
		Bán hàng hóa	103.307.232	226.706.126
		Bán bò	65.885.094	273.564.474
		Lãi từ cho vay	57.527.599	66.362.897
		Chi phí lãi vay	35.611.000	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	16.100.000	-
		Cung cấp dịch vụ	6.739.075	-
		Đầu tư vào công ty liên kết	-	550.000.000
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	179.926.262	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	150.000.000	-
		Bán trái cây	61.067.210	-
		Mượn tiền	7.606.000	-
		Cho mượn tiền	7.159.830	-
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	126.168.000	-
		Mượn tiền	67.800.000	-
		Lãi vay	5.260.420	-
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	22.997.784	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	17.019.244	-
		Cho mượn tiền và vật tư	1.098.650	61.397.807
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	11.483.333	3.100.087
		Cho vay	-	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	9.595.547	3.232.192
		Cho vay	-	150.000.000
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	7.344.138	2.083.040
		Cho vay	-	96.670.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Bên liên quan	Mua cổ phần Công ty Cao su Trung Nguyên	-	3.277.487.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	432.326.587	320.117.214	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	142.130.700	143.484.740	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	39.609.909	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Chuyển nhượng dự án	11.323.460 -	23.731.185 90.147.433	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan	Bán trái cây	4.653.973	-	
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hoá	3.245.851	-	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	485.126	413.196	
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.115.759	1.397.545	
			635.891.365	579.291.313	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	397.012.295	702.918.510	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	219.936.349	897.478.880	
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	13.000.000	13.000.000	
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	2.569.366	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	214.543	-	
			632.732.553	1.613.397.390	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (*)					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	0,00%	225.109.500	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	0,00%	49.900.701	61.397.808	
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty liên quan	0,00%	5.596.432	4.742.317	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan		-	280.000.000	
			280.606.633	346.140.125	
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) (*)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	879.354.876	870.000.000	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	9,75 - 12,00%	452.417.403	573.691.667	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	8,00%	450.231.350	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	0,00%	54.052.853	-	
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan		-	96.670.000	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan		-	125.340.957	
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan		-	150.000.000	
			1.836.056.482	1.815.702.624	

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

(i) Thẻ hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Nhóm Công ty theo kế hoạch tái cấu trúc của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	Ngàn VND		
Khoản cho vay 1	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	15,00
Khoản cho vay 2	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	15,00
Khoản cho vay 3	300.000.000	27 tháng 5 năm 2023	14,00
Khoản cho vay 4	9.354.876	8 tháng 8 năm 2019	12,00
TỔNG CỘNG	879.354.876		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Nhóm Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Chi trả hộ Cho mượn tạm Lãi từ cho vay	59.216.723 331.611 -	4.418.868 - 20.317.649
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	44.353.801	84.116.944
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	11.849.169	132.565.743
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	7.005.910	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn tạm Khác	3.965.871 313.680	252.120.865 5.092.869
Khác	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	775.018	8.479.067
			127.811.783	507.112.005
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay Hợp tác đầu tư	141.245.383 125.750.981	60.368.691 109.650.981
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	130.284.692	295.543.906
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản Lãi từ cho vay	117.720.096 2.551.686	102.439.202 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	110.903.413	20.987.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi từ cho vay	11.386.457	-
			639.842.708	588.990.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i>					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư Mua các khoản đầu tư Mua tài sản cố định Khác	(236.543.574)	(294.126.649)	
			-	(12.828.645)	
			-	(6.718.545)	
			-	(24.707)	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	(101.950.898)	(38.299.440)	
			-	(19.290.278)	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(83.166.966)	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	(22.997.784)	-	
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(944.414)	(1.319.002)	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	(837.038)	(179.022)	
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(2.951.980)	(4.639.711)	
			(449.392.654)	(377.425.999)	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(123.784.994)	(24.395.000)	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(22.074.780)	(21.993.920)	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(20.904)	(20.904)	
			(145.880.678)	(46.409.824)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận vốn góp Chi phí lãi vay	(500.000.000) (10.120.174)	- -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay Mượn tiền	(256.888.296) (4.907.428)	(514.370.003) -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mượn tạm Chi phí lãi vay Khác	(243.676.688) (40.329.333) (6.422.202)	(404.622.013) - -
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	(150.000.000) (4.100.000)	- -
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(90.788.879)	(499.290.919)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền Chi phí lãi vay	(67.800.000) (5.260.420)	- -
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Mượn tiền	(7.037.479)	(7.369.738)
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	(5.950.000)	(1.943.782)
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cổ tức	(2.034.000)	(2.034.000)
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	(1.081.374)	(1.457.363)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Mượn tiền	(679.085)	(22.000.000)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mượn tiền	(247.500)	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(192.220)	(158.882)
			(1.397.515.078)	(1.453.246.700)
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 23)				
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(616.381.679)	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	(893.574.118) (514.788.889) (20.777.918)	(136.237.677) (493.211.100)
			(2.595.522.604)	(1.179.448.777)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.6)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn đến hạn trả	(478.500.000)	(333.097.953)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn đến hạn trả	(298.000.000)	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay ngắn hạn	(12.091.300)	-
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	(7.823.000)	(7.823.000)
			(796.414.300)	(340.920.953)

Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.6)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(4.898.429.558)	(9.353.141.757)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Vay dài hạn	(126.168.000)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn	-	(298.000.000)
			(5.024.597.558)	(9.651.141.757)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	7.126.024	6.012.691

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	27.650.133	37.971.585
Từ 1 đến 5 năm	110.600.534	183.123.566
Trên 5 năm	1.035.411.507	2.642.095.589
TỔNG CỘNG	1.173.662.174	2.863.190.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	1.258.686.556	9.035.600.152
- Riels Campuchia (KHR)	241.523.551	111.306.843
- USD	830.508	1.182.684
- EUR	-	1.259

37. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP(01) tháng 1 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP(01) ngày 15 tháng 6 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- ▶ Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- ▶ Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Giữa các bộ phận	720.088.085	3.468.681.428	564.111.297	31.269.126	-	4.784.149.936
Từ khách hàng bên ngoài	202.221.947	213.661.892	299.103.961	-	(714.987.800)	-
Tổng cộng	922.310.032	3.682.343.320	863.215.258	31.269.126	(714.987.800)	4.784.149.936
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	(166.361.376)	420.405.342	(93.830.721)	(240.728)	-	159.972.517
Chi phí không phân bổ						(1.212.272.054)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						(1.052.299.537)
Thu nhập tài chính						230.097.487
Chi phí tài chính						(840.423.931)
Chia lãi trong công ty liên kết						15.581.670
Lỗ trước thuế						(1.647.044.311)
Thuế TNDN hiện hành						(2.769.781)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(128.038.244)
Lỗ thuần trong năm						(1.777.852.336)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	25.508.674.851	2.551.785.637	1.128.255.807	1.526.216.329	-	30.714.932.624
Tiền						311.458.305
Đầu tư vào công ty liên kết						889.561.285
Tài sản không phân bổ						3.079.267.296
Tổng tài sản						34.995.219.510
Nợ phải trả của bộ phận	(23.150.275.272)	(2.545.288.799)	(10.239.876.051)	(558.145.007)	-	(36.493.585.129)
Nợ phải trả không phân bổ						1.498.365.619
Tổng nguồn vốn						(34.995.219.510)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	2.210.285.404	757.655.995	299.676.384	53.403.446	-	3.321.021.229
Giữa các bộ phận	559.863.484	55.487.184	331.220.635	-	(946.571.303)	-
Tổng cộng	2.770.148.888	813.143.179	630.897.019	53.403.446	(946.571.303)	3.321.021.229
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	975.569.857	66.189.329	175.278.434	(2.515.000)	-	1.214.522.620
Chi phí không phân bổ						(905.480.308)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						309.042.312
Thu nhập tài chính						1.014.721.130
Chi phí tài chính						(854.439.086)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(28.069.575)
Lợi nhuận trước thuế						441.254.781
Thuế TNDN hiện hành						(23.890.080)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại						113.097.948
Lợi nhuận thuần trong năm						530.462.649
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	34.784.990.216	2.723.388.484	14.427.600.942	1.357.047.539	-	53.293.027.181
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						(21.925.601.632)
Tổng tài sản						32.282.180.245
Nợ phải trả của bộ phận	(45.579.482.432)	(2.820.100.521)	(19.564.982.959)	(11.659.567)	-	(67.976.225.479)
Nợ phải trả không phân bổ						35.694.045.234
Tổng nguồn vốn						(32.282.180.245)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	<i>Việt Nam</i>	<i>Lào</i>	<i>Campuchia</i>	<i>Trung Quốc</i>	<i>Khác</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.238.488.615	2.481.047.985	64.613.336	-	-	4.784.149.936
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	46.169.172	1.014.048.859	498.371.847	-	-	1.558.589.878
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	8.806.043.239	13.254.971.611	8.653.917.774	-	-	30.714.932.624
Tiền và các khoản tương đương tiền						311.458.305
Đầu tư vào công ty liên kết						889.561.285
Tài sản không phân bổ						3.079.267.296
Tổng tài sản						<u>34.995.219.510</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.712.495.133	1.310.131.636	177.864.693	120.529.767	-	3.321.021.229
Chi phí hình thành tài sản cố định	186.235.330	856.307.845	320.475.171	-	-	1.363.018.346
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	15.348.921.328	13.729.825.576	11.530.837.100		(12.794.025.443)	27.815.558.561
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						3.551.866.988
Tổng tài sản						<u>32.282.180.245</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Nhóm Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

Trong kỳ, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Nhóm Công ty tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã xem xét lại và kết luận rằng Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Nhóm Công ty.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản để phù hợp với cách thức sản xuất kinh doanh mới. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại trên như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngân VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.643.444.600	(168.688.445)	6.474.756.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	308.340.423	3.117.882	311.458.305
Tiền	293.340.423	3.117.882	296.458.305
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.648.948.580	(1.010.395)	4.647.938.185
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.680.875.463	(1.180.433)	1.679.695.030
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.732.975.730	603.480	1.733.579.210
Phải thu ngắn hạn khác	840.786.681	364.860	841.151.541
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.180.000)	(798.302)	(5.978.302)
III. Hàng tồn kho	1.671.761.591	(176.355.025)	1.495.406.566
Hàng tồn kho	1.704.449.696	(23.918.187)	1.680.531.509
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(152.436.838)	(185.124.943)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	14.394.006	5.559.093	19.953.099
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.967.605	5.041.183	8.008.788
Thuế GTGT được khấu trừ	6.115.529	517.910	6.633.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau: (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (<i>đã được trình bày trước đây</i>)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (<i>trình bày lại</i>)
			Ngàn VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	28.824.808.449	(304.345.094)	28.520.463.355
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>7.072.654.253</i>	<i>(223.766.943)</i>	<i>6.848.887.310</i>
Tài sản cố định hữu hình	7.036.174.317	(223.766.943)	6.812.407.374
- Nguyên giá	8.209.060.771	(193.374.161)	8.015.686.610
- Giá trị khấu hao lũy kế	(1.172.886.454)	(30.392.782)	(1.203.279.236)
<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>13.359.625.077</i>	<i>760.793</i>	<i>13.360.385.870</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.359.625.077	760.793	13.360.385.870
<i>III. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>896.161.285</i>	<i>(6.600.000)</i>	<i>889.561.285</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	896.161.285	(6.600.000)	889.561.285
<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>4.971.332.020</i>	<i>(74.738.944)</i>	<i>4.896.593.076</i>
Chi phí trả trước dài hạn	1.026.392.360	(74.738.944)	951.653.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.468.253.049	(473.033.539)	34.995.219.510
A. NỢ PHẢI TRẢ	24.984.262.903	287.887.244	25.272.150.147
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>6.124.980.643</i>	<i>197.772.146</i>	<i>6.322.752.789</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	644.831.970	102.294.752	747.126.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180.807.868	74.678.426	255.486.294
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	120.251.709	(96.973)	120.154.736
Phải trả người lao động	52.564.498	(1.640.196)	50.924.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	144.091.844	275.781.803	419.873.647
Phải trả ngắn hạn khác	2.834.677.638	(772.921.804)	2.061.755.834
Vay ngắn hạn	2.138.653.364	519.676.138	2.658.329.502
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>18.859.282.260</i>	<i>90.115.098</i>	<i>18.949.397.358</i>
Phải trả dài hạn khác	1.309.428.416	97.887.643	1.407.316.059
Vay dài hạn	17.257.342.463	175.222.723	17.432.565.186
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.285.888	88.230.225	109.516.113
Dự phòng phải trả dài hạn	271.225.493	(271.225.493)	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.483.990.146	(760.920.783)	9.723.069.363
<i>I - Vốn chủ sở hữu</i>	<i>10.483.990.146</i>	<i>(760.920.783)</i>	<i>9.723.069.363</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	546.519.640	(3.176.764)	543.342.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.141.711.973	(757.850.298)	383.861.675
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	59.768.773	106.279	59.875.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35.468.253.049	(473.033.539)	34.995.219.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau: (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại) Ngàn VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.777.217.797	8.181.852	4.785.399.649
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.775.968.084	8.181.852	4.784.149.936
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(4.265.868.089)	(358.309.330)	(4.624.177.419)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.099.995	(350.127.478)	159.972.517
Doanh thu hoạt động tài chính	236.063.665	(5.966.178)	230.097.487
Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(779.118.866) (701.146.747)	(61.305.065) (49.019.695)	(840.423.931) (750.166.442)
Chi phí bán hàng	(88.270.096)	(551.813)	(88.821.909)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(306.168.650)	(9.706.467)	(315.875.117)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(411.812.282)	(427.657.001)	(839.469.283)
Thu nhập khác	146.890.520	57.405	146.947.925
Chi phí khác	(712.608.755)	(241.914.198)	(954.522.953)
Lỗ khác	(565.718.235)	(241.856.793)	(807.575.028)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(977.530.517)	(669.513.794)	(1.647.044.311)
Chi phí thuế hoãn lại	(39.808.019)	(88.230.225)	(128.038.244)
Lỗ sau thuế TNDN	(1.020.108.317)	(757.744.019)	(1.777.852.336)
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(984.862.782)	(757.850.298)	(1.742.713.080)
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(35.245.535)	106.279	(35.139.256)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.298)	(999)	(2.297)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	(1.298)	(999)	(2.297)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, Công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương ứng với 23,46 % tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, hiện là công ty liên kết, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai không còn là công ty liên kết trong Nhóm Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc